CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Phân lân Ninh Bình

Ngày 31/03/2024	14,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	20.8%	**-**	**22.9%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,339 - 19,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	228
Số lượng CPLH (CP)	15,731,260
KLGD BQ 20 phiên (CP)	625
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.05)
EPS	1,912
P/E	7.6

DT thuần
Q1/24
280
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 72.0| 34.5%
YoY: ▲ 123| 78.1%

LN thuần
Q1/24
12.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.14| 147%
YoY: ▲ 2.24| 23.1%

LN sau thuế
Q1/24
10.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.78| 84.8%
YoY: ▲ 2.28| 27.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
4.8%
YoY: +/-▲ 1.5%

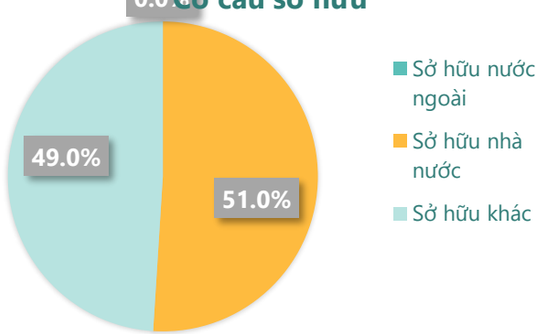
ROE (TTM)
Q1/24
14.6%
YoY: +/-▲ 0.7%

DT thuần
2023
727
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 29.0| 4.0%

LN thuần
2023
30.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.80| 2.7%

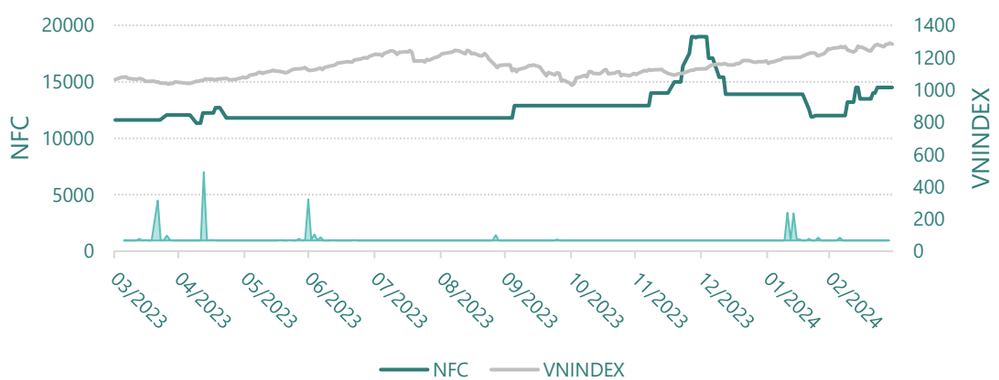
LN sau thuế
2023
28.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.50| 9.9%

Cơ cấu sở hữu

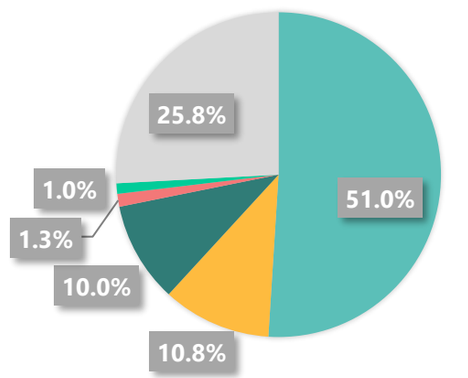


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

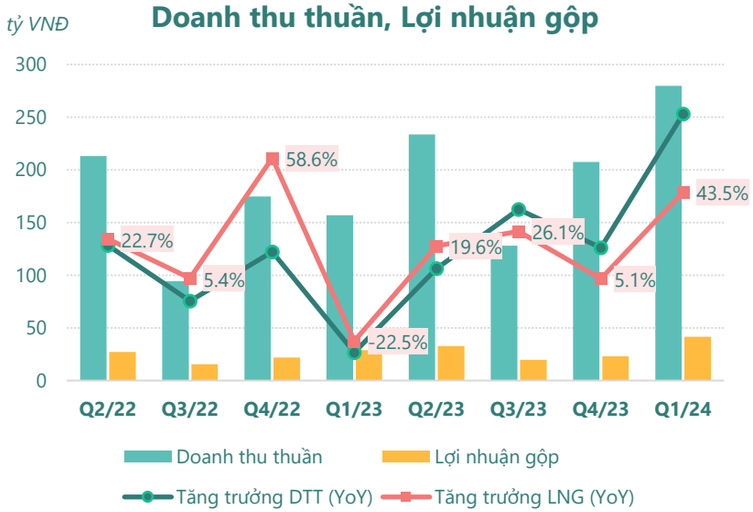


- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
- Công ty TNHH Hoàng Ngân
- Phạm Mạnh Ninh (Chủ tịch HĐQT)
- Phạm Hồng Sơn (Thành viên HĐQT)
- Hoàng Mỹ Hạnh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

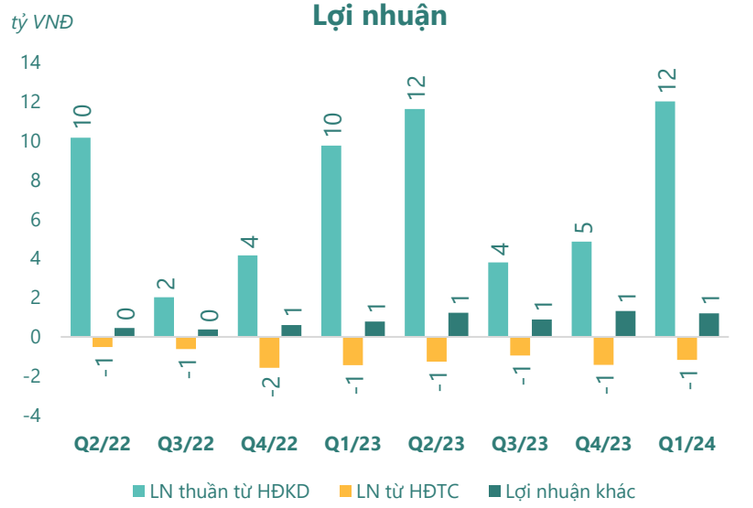
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



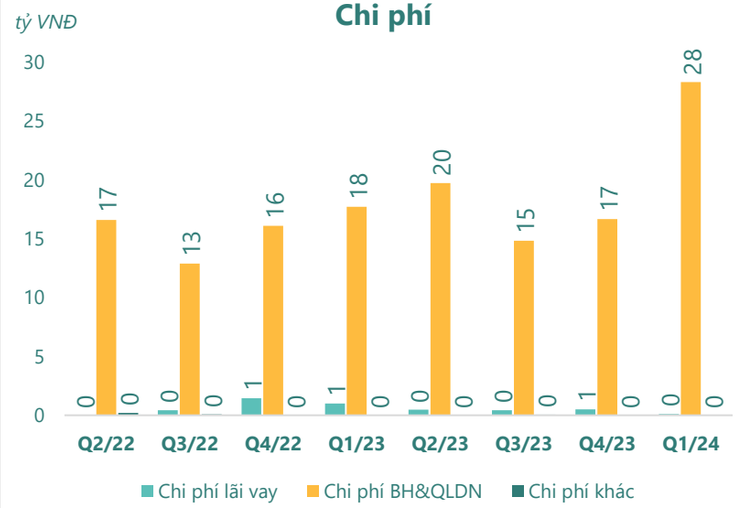
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



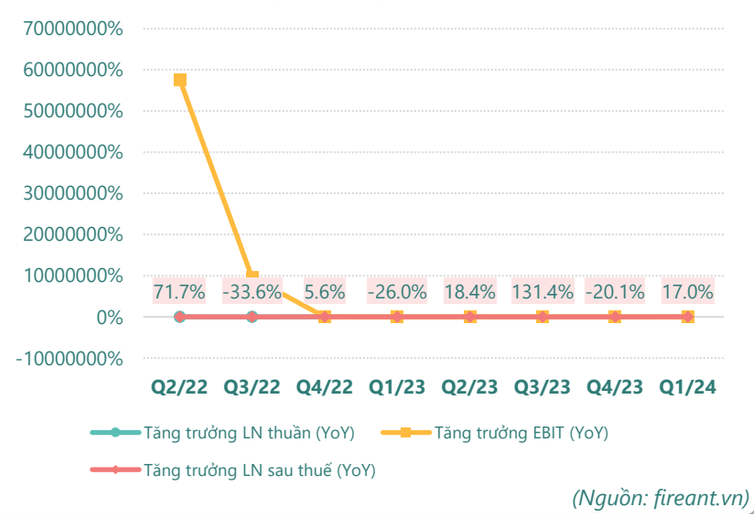
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



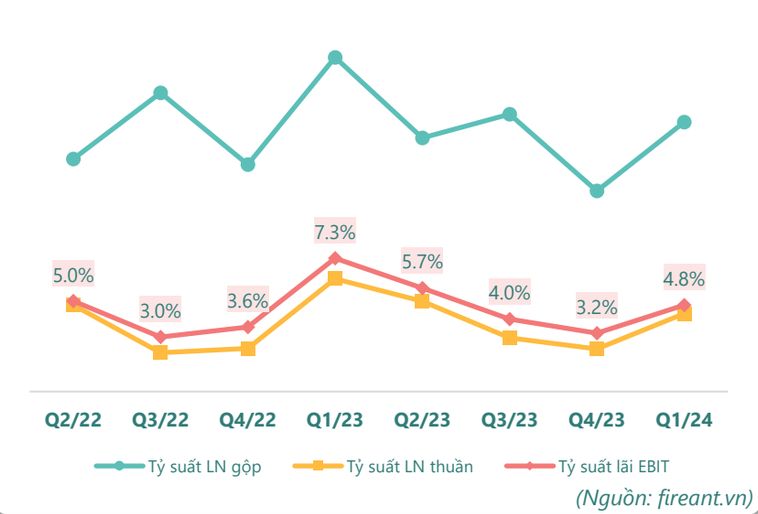
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



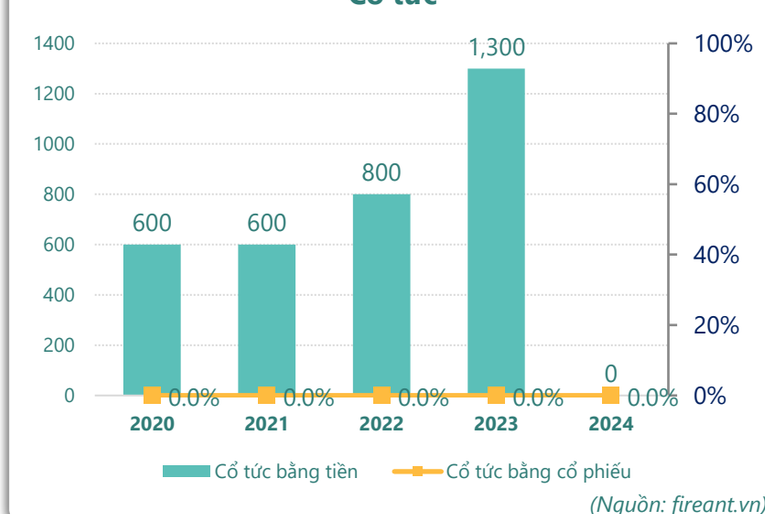
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

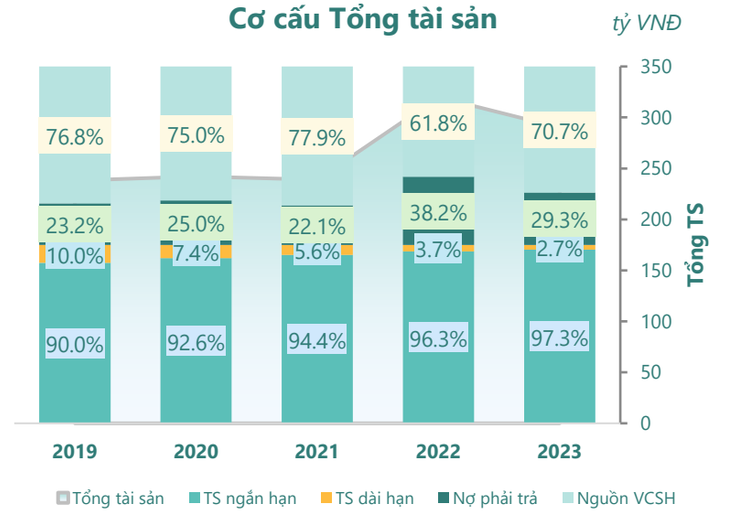
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

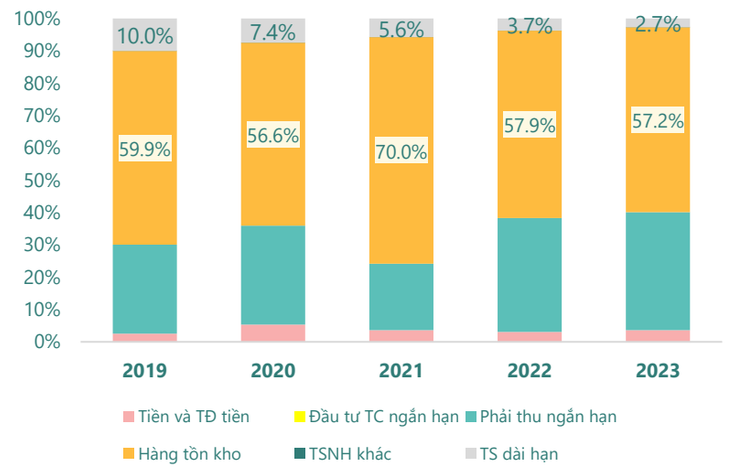
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



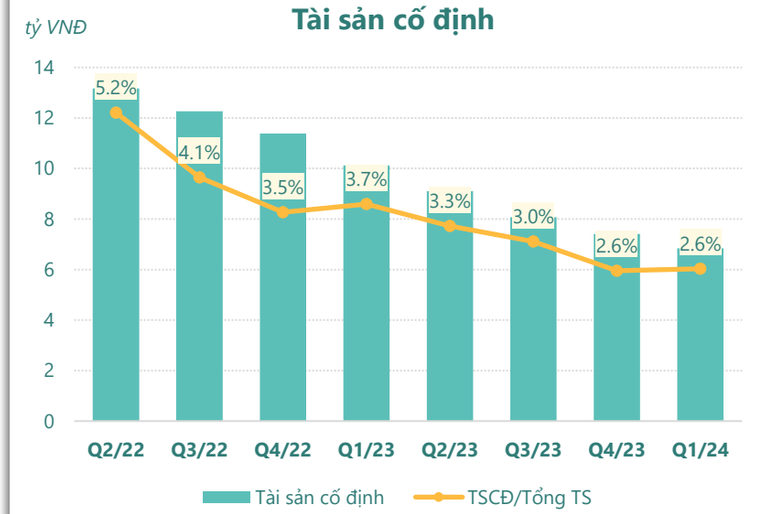
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



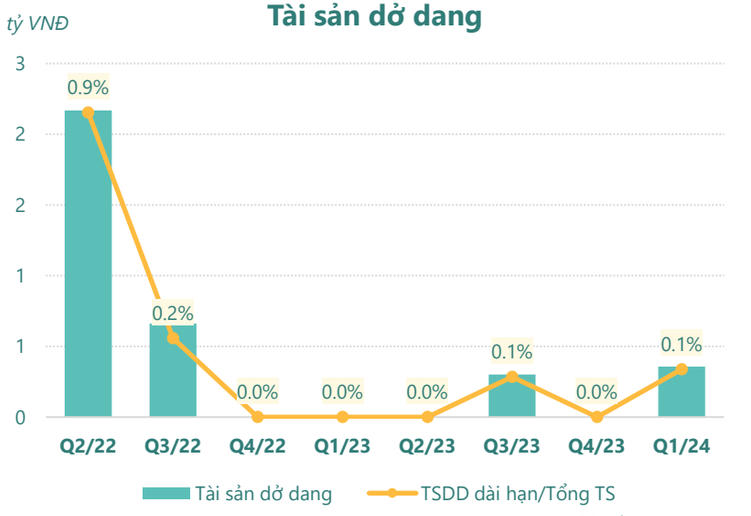
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



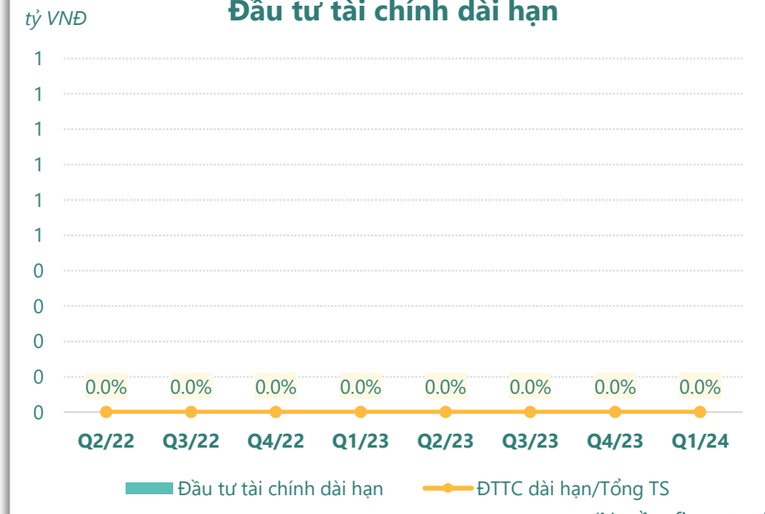
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



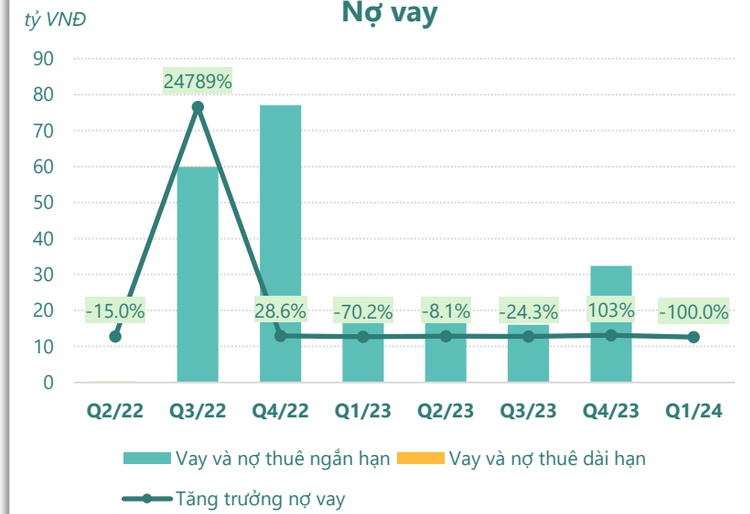
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

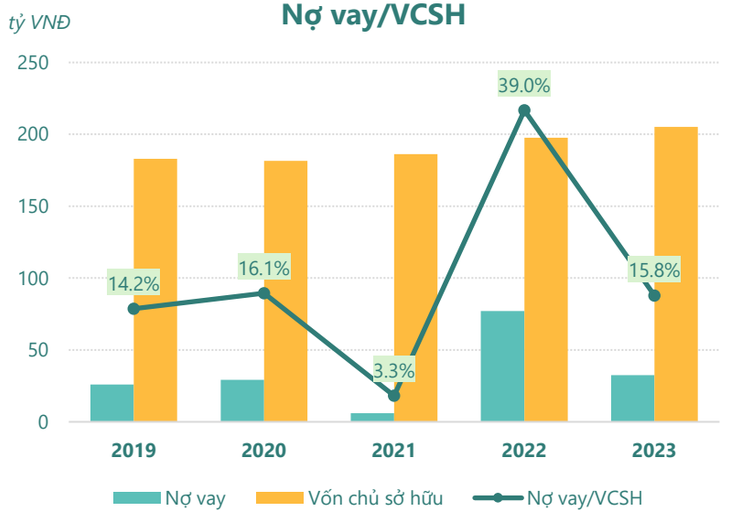
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

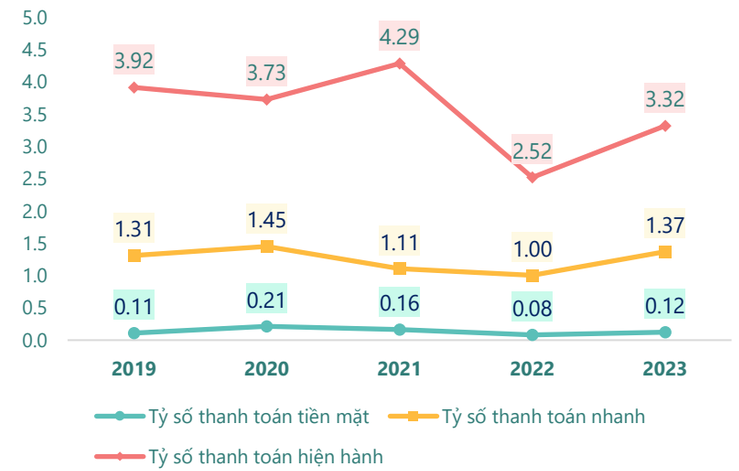
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



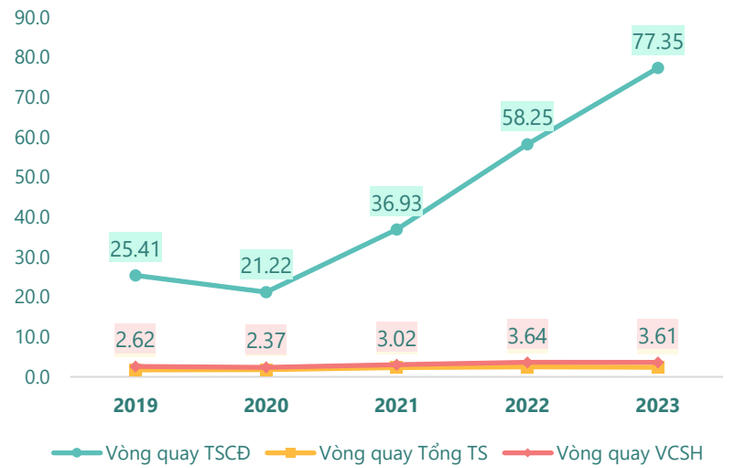
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



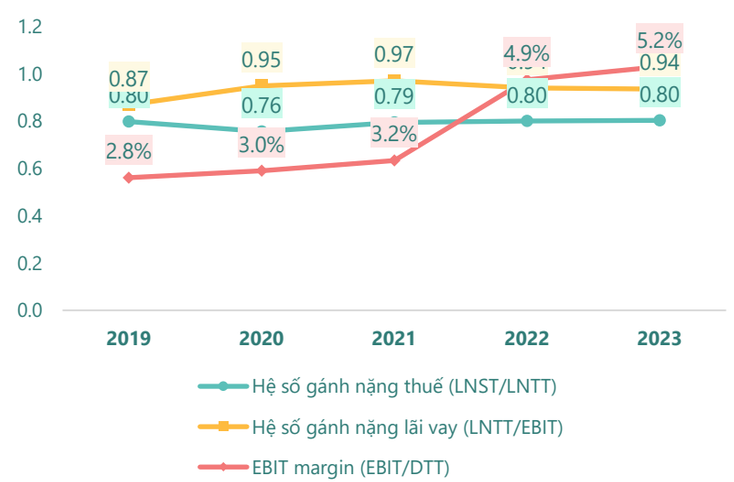
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



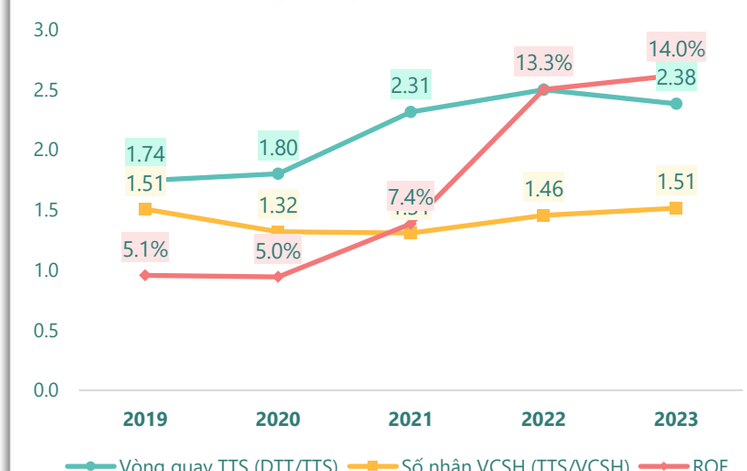
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



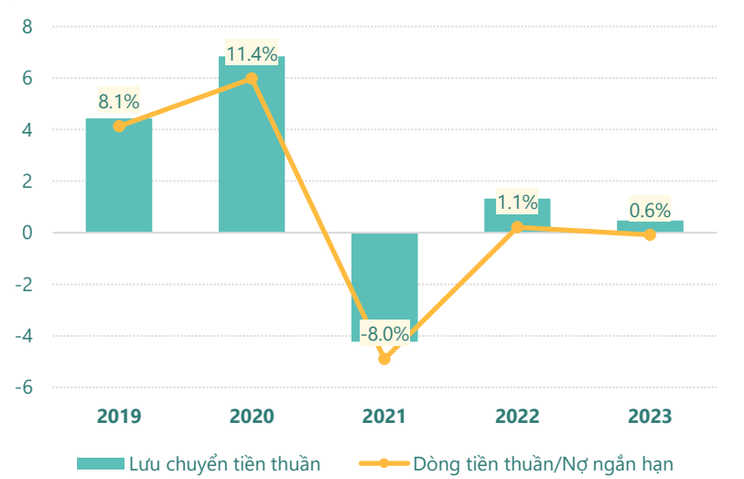
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**280**	**157**	**78.1%**	**727**	**698**	**4.0%**
Giá vốn hàng bán	238	128	86.1%	622	597	4.2%
Lợi nhuận gộp	41.5	28.9	43.7%	105	102	3.0%
Doanh thu HĐTC	0.12	0.00		0.07	0.20	-63.0%
Chi phí TC	1.29	1.44	-10.2%	5.15	3.52	46.2%
Chi phí lãi vay	0.11	1.00	-89.2%	2.40	2.03	18.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	19.0	9.96	90.7%	42.2	43.8	-3.7%
Chi phí QLDN	**9.34**	**7.77**	**20.2%**	**26.7**	**24.6**	**8.6%**
LN thuần từ HĐKD	12.0	9.76	23.1%	30.8	30.0	2.7%
Lợi nhuận khác	**1.21**	**0.78**	**54.6%**	**4.23**	**2.03**	**108%**
LN trước thuế	13.2	10.5	25.9%	35.0	32.0	9.4%
Lợi nhuận sau thuế	**10.4**	**8.12**	**27.9%**	**28.1**	**25.6**	**9.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.4**	**8.12**	**27.9%**	**28.1**	**25.6**	**9.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-15.4	47.2	27.8	5.46	-14.7	81.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.62	0.00	-0.05	-0.30	0.15	-0.51
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	17.2	-54.1	-22.3	-5.14	16.4	-32.4
Tiền đầu kỳ	8.76	9.94	3.09	8.54	8.57	10.4
Lưu chuyển tiền thuần	**1.18**	**-6.85**	**5.46**	**0.02**	**1.85**	**48.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	-0.01	0.01	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	9.94	3.09	8.54	8.57	10.4	58.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**265**	**290**	**-8.8%**
Tài sản ngắn hạn	257	282	-8.9%
Tiền và tương đương tiền	58.9	10.4	466%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	95.9	106	-9.6%
Hàng tồn kho	102	166	-38.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.45	0.09	417%
Tài sản dài hạn	**7.58**	**7.77**	**-2.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	6.85	7.41	-7.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.36	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.38**	**0.37**	**1.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	54.8	85.0	-35.5%
Nợ ngắn hạn	**54.8**	**85.0**	**-35.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	32.4	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	27.7	31.3	-11.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**210**	**205**	**2.3%**
Vốn chủ sở hữu	**210**	**205**	**2.3%**
Vốn điều lệ	157	157	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)